

THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG NHU CẦU GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT

ThS. HOÀNG THỊ NGÀ*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 15/05/2016; ngày duyệt đăng: 15/05/2016.

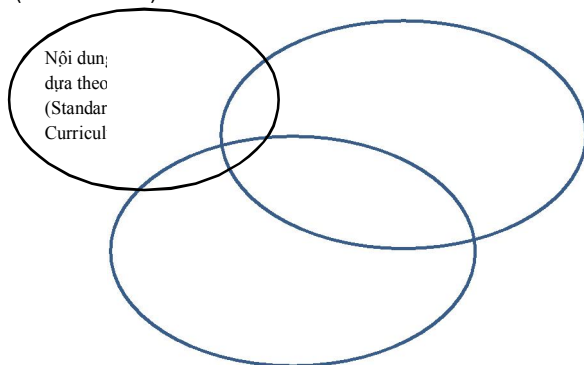
Abstract: Curriculum is the decisive factor in improving quality of teacher training programme and meeting requirements of labor market. This paper explains the reasons of changing the curriculum for teacher training at Faculty of Special education of Ho Chi Minh city University and presents changes in new curriculum applied since 2016 and preeminence compared to previous one in enhance quality of inclusive education in Vietnam.

Keywords: Teacher training, inclusive education, children with disabilities.

1. Khái quát về chương trình đào tạo giáo viên (GV) giáo dục đặc biệt (GDĐB) trên thế giới và Việt Nam

1.1. Chương trình đào tạo GV GDĐB của một số nước trên thế giới.

Tại Hoa Kỳ, hệ thống giáo dục đòi hỏi các chương trình đào tạo GV phải bám sát chuẩn GV khởi nghiệp (xem biểu đồ).



Biểu đồ. Những yêu cầu tối thiểu dành cho GV GDĐB mới vào nghề của Hội đồng dành cho trẻ đặc biệt

Theo mô hình trên, nội dung chương trình đào tạo GV GDĐB phải là một tổ hợp gồm: mảng kiến thức và kỹ năng dựa theo chuẩn GV quốc gia; mảng kiến thức và kỹ năng liên quan đến dạy học cá nhân hóa (năng lực GDĐB) và mảng kiến thức và kỹ năng của môn học (năng lực chuyên môn). Điều này đòi hỏi GV GDĐB ngoài việc cần trang bị các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành GDĐB thì bắt buộc phải có kiến thức nền tảng về môn học để cộng tác tốt với GV giáo dục bình thường trong việc thực hiện những công việc chính yếu sau: - Dạy và cùng dạy những

môn học theo chương trình chung cho trẻ có nhu cầu GDĐB theo trình độ; - Thực hiện điều chỉnh chương trình giáo dục chung phù hợp với nhu cầu và trình độ của trẻ có nhu cầu GDĐB.

Như vậy, có thể thấy ở Hoa Kỳ, GV GDĐB ngoài những kiến thức và kỹ năng GDĐB, cần phải có những kiến thức và kỹ năng sư phạm cơ bản gắn với một chuyên môn nhất định như Toán, Ngôn ngữ, Khoa học, Xã hội,... Những quy định cụ thể này chính là cơ sở để các cơ sở đào tạo GV GDĐB thiết kế chương trình đào tạo.

Tại Nhật Bản, đạo luật về bằng cấp nhân sự giáo dục quy định GV GDĐB về cơ bản phải có cả bằng GDĐB và bằng giáo dục chung tương đương (giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông). Theo đạo luật này, một người muốn trở thành GV GDĐB phải theo học 2 chương trình đào tạo theo các cách khác nhau. Sinh viên (SV) vừa tốt nghiệp phổ thông thường học cùng lúc 2 chương trình trong khi các GV giáo dục bình thường muốn trở thành GV GDĐB có thể lấy văn bằng 2 GDĐB theo hình thức vừa làm vừa học miễn là tích lũy đủ số tín chỉ thuộc chuyên ngành sư phạm GDĐB. So với Nhật Bản, Hàn Quốc cũng có hệ thống giáo dục tương tự. Theo đó, các ứng viên muốn trở thành GV GDĐB ở cấp học nào phải phải hoàn thành chương trình đào tạo GV theo cấp học đó cùng với chương trình đào tạo về GDĐB. Năm 2006, Hàn Quốc có 42 trường đại học có các chương trình đào tạo GV GDĐB cùng với 34 trường có các chương trình đào tạo sau đại học ngành GDĐB, chương trình đào tạo cũng rất khác nhau ở mỗi

* Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

trường đại học. Tuy nhiên, theo chuẩn được quy định của Bộ GD-ĐT và phát triển nguồn nhân lực, ứng viên theo học chuyên ngành GDĐB cần phải học 5 khóa học bắt buộc với các nội dung: *Giáo dục đặc biệt; Quản lí GDĐB hoặc giáo dục trẻ khuyết tật nhẹ; Giáo dục khiếm thị; Giáo dục khiếm thính; Giáo dục khuyết tật vận động; Giáo dục khuyết tật ngôn ngữ; Giáo dục khuyết tật trí tuệ; Giáo dục khuyết tật rối loạn cảm xúc hoặc rối loạn hành vi; Giáo dục khuyết tật học tập; GDĐB mầm non và công nghệ GDĐB*. Ngoài ra, mỗi chuyên ngành tùy vào từng trường đại học mà có thời lượng đào tạo khác nhau, từ 3-8 tín chỉ (nghiên cứu lí thuyết, phương pháp dạy học (PPDH), giáo dục cơ bản, thực hành).

Như vậy, có thể thấy chương trình đào tạo GV GDĐB của các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc đều được xây dựng dựa trên những quy định mang tính bắt buộc theo luật, theo chuẩn hoặc do Bộ GD-ĐT quy định. Ngoài ra, chương trình đào tạo GV GDĐB của các nước này mặc dù có những khác biệt do hệ thống giáo dục quy định vẫn có những điểm chung đó là bên cạnh phần kiến thức và nội dung liên quan đến sự phạm GDĐB, các kiến thức và kĩ năng chuyên môn liên quan đến giáo dục cơ bản cũng được chú trọng.

1.2. Chương trình đào tạo GV GDĐB của Khoa GDĐB Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) TP. Hồ Chí Minh. Kể từ khi chính thức đào tạo GV GDĐB từ năm 2003 đến nay, Khoa GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh đã trải qua 2 lần thay đổi chương trình đào tạo đại học hệ chính quy. Chương trình đào tạo đầu tiên căn bản giống chương trình đào tạo của khoa GDĐB Trường ĐHSPTP Hà Nội vì lúc đó ĐHSPTP Hà Nội là cơ sở đào tạo GV GDĐB trình độ đại học duy nhất trong cả nước. Lần thay đổi chương trình thứ nhất vào năm 2007 sau khi có chương trình khung của Bộ GD-ĐT về GDĐB năm 2006. Theo đó, năm 2007, Khoa GDĐB xây dựng lại chương trình với những nội dung chủ yếu sau: - *3 năm đầu*: Khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành sư phạm nói chung và cơ sở của ngành GDĐB; thực tập tại trường giáo dục hòa nhập; - *Năm thứ 4*: Khối kiến thức chuyên sâu một chuyên ngành (khiếm thị, khiếm thính hoặc khuyết tật trí tuệ); thực tập tại trường chuyên biệt. Nội dung chương trình như vậy là để đáp ứng chính sách GDĐB của Việt Nam trong đó xác định phương thức giáo dục hòa nhập (GDHN) là phương thức chính để thực hiện GDĐB lúc bấy giờ. Tuy nhiên,

chương trình đào tạo của Khoa GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh đã có những thay đổi căn bản vào năm 2010 do: 1) Chương trình đào tạo phải được xây dựng theo học chế tín chỉ khác với học chế niên chế trước đây; 2) Sinh viên (SV) tốt nghiệp sư phạm GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh không được tuyển dụng vào làm việc tại các trường hòa nhập; 3) Cán bộ quản lí các trường chuyên biệt và hòa nhập không muốn tuyển dụng GV GDĐB bậc đại học do chương trình đào tạo thiếu kiến thức và kĩ năng sư phạm nền tảng của bậc học; 4) Nhu cầu giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ cao hơn hẳn so với các nhu cầu GDĐB khác. (Năm 2010, TP. Hồ Chí Minh có 37 cơ sở chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật thì có tới 30 cơ sở có chương trình chăm sóc giáo dục dành cho trẻ khuyết tật trí tuệ và tự kỉ). Những lí do trên đã cho thấy rõ nhu cầu và hướng thay đổi chương trình. Theo đó, chương trình đào tạo từ năm 2010 đến nay đã có 2 thay đổi chính như sau: 1) Các học phần cơ bản về phương pháp dạy học (PPDH) của bậc mầm non và tiểu học (9 tín chỉ - TC) được đưa vào chương trình để SV tự chọn theo bậc học mình quan tâm, gồm các học phần PPDH toán ở tiểu học (4 TC) và PPDH Tiếng Việt ở tiểu học (5 TC). Tương tự cho các môn học về PPDH ở bậc mầm non; 2) Đào tạo 2 chuyên ngành chuyên sâu thay vì một chuyên ngành như trước đây. Chương trình đòi hỏi mỗi SV đều được đào tạo chuyên sâu bắt buộc chuyên ngành khuyết tật trí tuệ cùng với một chuyên ngành khiếm thị hoặc khiếm thính tùy từng khóa. Về cơ bản, cấu trúc của chương trình đào tạo năm 2010 của Khoa GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh như sau: *Năm 1-2*: Khối kiến thức chung, kiến thức chuyên môn cơ bản của bậc học, kiến thức cơ sở ngành và những học phần chuyên ngành GDĐB nói chung; *Năm 3*: kiến thức và kĩ năng chuyên ngành chuyên sâu khuyết tật trí tuệ và các học phần chưa được đào tạo theo chuyên ngành khác gồm: *Giáo dục trẻ bại não; Giáo dục trẻ khó học (khuyết tật học tập); Giáo dục trẻ tăng động giảm chú ý; Quản lí hành vi trẻ có nhu cầu đặc biệt và thực tập sư phạm 1 tại trường chuyên biệt dạy trẻ khuyết tật trí tuệ; Năm 4*: Kiến thức và kĩ năng chuyên ngành khiếm thị hoặc khiếm thính và thực tập sư phạm 2; các học phần thay thế tốt nghiệp hoặc làm khóa luận. Chương trình đào tạo năm 2010 đã đáp ứng được nhu cầu GDĐB trong những năm qua của TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phía Nam. Tuy nhiên, chương trình này cũng bộc lộ một số hạn chế như sau: - Việc hình

thành kiến thức và kĩ năng nền tảng cho GV vẫn chưa được chú trọng. SV GDĐB tốt nghiệp được tuyển dụng làm việc ở cả bậc mầm non và tiểu học nhưng đa số chỉ được trang bị kiến thức và kĩ năng dạy học ở bậc tiểu học do chương trình đào tạo chỉ cho phép được lựa chọn 9 tín chỉ và SV lựa chọn các học phần liên quan ở bậc tiểu học vì cho rằng chúng khó hơn; - Không phù hợp với sự chuyển dịch của GDHN hiện nay tại Việt Nam.

2. Thay đổi chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu GDHN trẻ khuyết tật trong giai đoạn mới

Như đã đề cập ở trên, những hạn chế trong nội tại của chương trình đào tạo năm 2010, sự chuyển dịch về nhu cầu GDĐB nói chung và GDHN nói riêng là những nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi chương trình đào tạo của Khoa GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh năm 2016.

Dưới đây là những cơ sở căn bản để điều chỉnh chương trình: 1) Hệ thống các văn bản pháp lí về GDĐB và GDHN trẻ khuyết tật tại Việt Nam đã khá hoàn thiện trong khi năng lực thực thi các chính sách còn nhiều hạn chế. Điều này dẫn đến mâu thuẫn giữa quy mô giáo dục trẻ khuyết tật nói chung và GDHN ngày càng được mở rộng, phương thức GDHN khẳng định được ưu thế trong việc tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật, số lượng trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục ngày càng lớn với chất lượng dịch vụ giáo dục cần cung cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam chưa có đủ nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng GDHN. Kết quả khảo sát 167 nhân viên hỗ trợ và GV làm việc trong hệ thống giáo dục ở 3 tỉnh cho thấy, chỉ có 28,7% được đào tạo về GDĐB và chỉ có 6,7% được đào tạo về PPDH nói chung, chỉ có 48% cán bộ giáo dục tự tin khi làm việc với trẻ khuyết tật. Do vậy, đã đến lúc chương trình đào tạo cần xây dựng theo hướng SV ra trường có thể thực hiện tốt GDHN cho trẻ khuyết tật vì đào tạo GV GDĐB làm nhiệm vụ GDHN là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. 2) Mặc dù Bộ GD-ĐT chưa có quy định cụ thể về chuẩn nghề nghiệp GV GDĐB nhưng dựa vào chương trình đào tạo của các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, có thể thấy chương trình đào tạo GV GDĐB nói chung cần chú trọng hình thành kiến thức và kĩ năng chuyên môn tương ứng với bậc học, cấp học, trẻ khuyết tật tại Việt Nam chủ yếu tham gia học hòa nhập ở bậc tiểu học và mầm non. Hơn nữa, các cấp học trung học cơ sở và trung học phổ thông cần

năng lực chuyên môn chuyên sâu gắn với từng môn học nên để trở thành GV GDĐB bậc học này cần được đào tạo theo dạng văn bằng 2. Theo đó, chương trình đào tạo cần phải có các học phần chú trọng PPDH ở bậc mầm non và tiểu học với mục đích GV GDĐB có thể cộng tác tốt với GV đứng lớp thực hiện GDHN ở bậc mầm non và tiểu học; 3) GV GDĐB cần có khả năng hỗ trợ GDHN cho nhiều dạng trẻ có nhu cầu GDĐB khác nhau nên chương trình đào tạo phải có những học phần trang bị kiến thức và kĩ năng dạy học cơ bản đáp ứng các nhu cầu GDĐB khác nhau. Những cơ sở trên đây đã dẫn đến những thay đổi căn bản của chương trình đào tạo năm 2016 so với những chương trình đào tạo trước đây: - Chú trọng trang bị kiến thức và kĩ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập cho tất cả SV gồm các học phần như: *Braille Việt ngữ, Bàn toán Soroban, Định hướng và Di chuyển, Ngôn ngữ kí hiệu, Quản lí hành vi*; - Chú trọng trang bị kiến thức và kĩ năng dạy học căn bản của bậc mầm non và tiểu học cho tất cả SV gồm PPDH *Toán tiểu học (4 tín chỉ), PPDH Tiếng Việt tiểu học (5 tín chỉ); Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen Toán (3 tín chỉ); Phương pháp khám phá khoa học và xã hội (3 tín chỉ)*; - SV vẫn có 3 đợt thực hành nghiệp vụ sư phạm, trong đó, SV năm thứ 3 sẽ thực tập tại trường hòa nhập.

Tóm lại, chương trình đào tạo của Khoa GDĐB Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh đã có một số thay đổi căn bản so với các chương trình đào tạo trước đây. Sự thay đổi này là đòi hỏi tất yếu của thực tiễn GDHN đang diễn ra tại Việt Nam trên cơ sở khắc phục những tồn tại của các chương trình đào tạo trước đây. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt* (2007). Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [2] *Chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt* (2011). Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Hoàng Thị Nga (2015). *Thực trạng và khó khăn trong đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt tại Việt Nam*. Báo cáo tham luận tại Hội nghị nghiên cứu về Giáo dục Đặc biệt Nhật Bản lần thứ 53, được tổ chức tại Đại học Tohoku (9/2015).
- [4] Council for Exceptional Children. *What Every Special Educator Must Know: Ethics, Standards, and Guidelines*, Sixth Edition, 2009 revised.
- [5] Jung Gyung Sung (2010). *Teachers' Stance Towards Learning Disabilities: Empirical Study Among special education teachers in Korea*, LIT VERLAG Dr. W. Hopf, Berlin, 2010, page 43-44.